

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02234**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tổng quan du lịch**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060784	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/10/2009			8	7.2				6.5		6.9
2	2458102060785	Trần Thị Phương	Anh	17/10/2009			8	6.1				7.8		7.4
3	2458102060786	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/10/2009			9	7.6				10.0		9.2
4	2458102060787	Lê Thị Kim	Cương	05/03/2009			9	8.2				10.0		9.4
5	2458102060788	Hà Trường	Duy	19/07/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
6	2458102060789	Trương Minh Tuấn	Đạt	14/12/2009			5	5.0				0.0		2.0
7	2458102060790	Phan Tấn	Hoàng	30/07/2009			6	8.3				7.3		7.4
8	2458102060791	Đặng Thanh	Huy	19/01/2009			9	7.9				8.5		8.4
9	2458102060792	Trần Trung	Hữu	01/07/2009			9	5.6				7.8		7.4
10	2458102060793	Trần Võ Minh	Khang	20/12/2009			7	6.0				6.0		6.1
11	2458102060794	Nguy Huỳnh Ngân	Khánh	19/05/2009			7	7.2				4.3		5.4
12	2458102060795	Nguyễn Đăng	Khoa	24/04/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
13	2458102060796	Trình Huỳnh Tuyết	Khương	18/11/2009			7	8.1				7.0		7.3
14	2458102060797	Nguyễn Trung	Kiên	13/08/2009			7	7.8				5.5		6.3
15	2458102060798	Ngô Nguyễn Phương	Long	03/09/2009			5	5.7				0.0		2.2
16	2458102060799	Nguyễn Thị Ngọc	Mộng	04/03/2009			6.5	7.1				9.8		8.6
17	2458102060800	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/02/2009			9	7.4				9.5		8.9
18	2458102060801	Nguyễn Ngọc	Nhung	23/08/2009			8	8.4				10.0		9.3
19	2458102060802	Dương Thị Ngọc	Như	05/09/2009			8	7.9				8.3		8.2
20	2458102060803	Đoàn Huỳnh	Như	04/05/2009			9	7.4				8.3		8.2
21	2458102060804	Văn Tấn	Pháp	11/05/2009			5	5.2				1.5		3.0
22	2458102060805	Nguyễn Duy	Phương	24/12/2009			9	7.0				9.0		8.5
23	2458102060806	Nguyễn Hà Kim	Phượng	25/05/2009			9	7.7				7.5		7.8
24	2458102060807	Nguyễn Bích Vân	Tâm	04/04/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
25	2458102060808	Tăng Nguyễn Hoài	Thắng	26/12/2008			5	5.2				0.0		2.1
26	2458102060809	Đặng Huỳnh Thanh	Thư	29/05/2009			9	7.2				9.8		9.0
27	2458102060810	Phạm Trần Minh	Thư	27/07/2009			0	0.0				0.0	0.0	0.0
28	2458102060811	Phạm Nguyễn Mỹ	Tiên	11/08/2009			9	5.9				8.0		7.6
29	2458102060812	Đặng Thùy	Trâm	25/08/2009			9	6.3				9.3		8.5
30	2458102060813	Lý Trân	Trân	30/08/2009			8	6.8				9.3		8.5
31	2458102060814	Nguyễn Lê Huyền	Trân	11/11/2009			9	5.6				9.5		8.4
32	2458102060815	Trần Thị Bảo	Trân	03/04/2009			9	7.8				9.3		8.9
33	2458102060816	Âu Lê Quốc	Tuấn	10/01/2009			7	6.2				6.5		6.5
34	2458102060817	Lê Văn	Việt	18/10/2009			9.5	7.0				9.3		8.7
35	2458102060818	Huỳnh Khánh	Vy	28/04/2009			7	7.0				5.8		6.3
36	2458102060819	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/01/2009			9	7.9				6.0		6.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ	
37	2458102060820	Nguyễn Thị Kim Yên	19/07/2009				9	7.9					9.0		8.7

Châu Đốc, ngày 6 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Minh Khánh